

trong khi đó ở tiếng Anh, theo Belin và Kay, các màu cơ bản lại là trắng, đen, đỏ, xanh lá cây, xanh nước biển, nâu, tím, hồng, da cam, xám, còn ở tiếng Nga các màu cơ bản lại là hồng, nâu, trắng, đen, xám, cộng với bảy màu có trong quang phổ cầu vồng ... Và ở chỗ khác, Đào Thân lý giải thuyết ngũ hành đối với các từ chỉ màu cơ bản. Ông cho ngũ hành là năm nguyên tố vật chất cấu tạo nên thế giới. Từ con số 5 này và ứng với năm nguyên tố này, theo nguyên tắc “ngũ phân” sẽ có ngũ quan, ngũ tạng, ngũ vị, ngũ quả ... và ngũ sắc. Đó là nhóm năm thành phần, yếu tố hoặc bộ phận cơ bản, xác định cho từng phạm vi khái niệm, sự vật : “và cũng như vậy, ngũ sắc có thể chính là năm màu cơ bản nhất mà ông cha chúng ta đã từng quan niệm và ghi nhận trong ngôn ngữ xanh, đỏ, trắng, tím, vàng” [6]. Hơn nữa, mỗi dân tộc lại có kiểu lựa chọn biểu tượng về màu sắc khác nhau. Người Việt, người Trung Quốc coi màu trắng gắn với tang tóc, màu vàng thường tượng trưng cho quyền lực của Vua chúa, còn màu trắng đối với người Mỹ là biểu tượng cho thiên thần, đối với người Ucraina biểu tượng cho sự thủy chung. Sẽ rất thú vị và lý thú nếu chúng ta khảo sát, tiếp cận theo hướng đó với các trường từ vựng khác nữa. Chính từ thực tế, tư liệu so sánh đối chiếu các ngôn ngữ và các nền văn hóa của các dân tộc khác nhau, người giáo viên ngoại ngữ sẽ thu được nhiều kết quả đầy hứng thú trong việc giảng dạy.

Trong thời đại ngày nay, ngoại ngữ là chiếc cầu nối quan trọng để hiểu biết văn hóa, giao lưu văn hóa giữa các quốc gia, dân tộc khác nhau trên thế giới. Ngôn ngữ là bản chú dẫn, địa chỉ đối với từng nền văn hóa mà nó liên quan : “Các nước Triều Tiên, Việt Nam, Nhật Bản đều chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Quốc, một nền văn minh cổ đại của nhân loại. Bốn nước thành một vùng đồng văn, đồng văn cao vì văn tự, học thuật, văn học nghệ thuật đều trải qua thời gian dài phát triển giống nhau. Để lại ảnh hưởng sâu sắc trong thể chế chính trị, trong xã hội và văn hóa là Nho giáo, đúng hơn cả là Tam giáo : Nho, Phật, Đạo, mỗi dân tộc có khác nhau, vị trí phát giáo ở mỗi nước có khác và xu hướng mỗi dân tộc do đó cũng có khác. Nho giáo giữ vị trí chi phối về chính trị, về tổ chức xã hội, về tiến hành giáo dục và phát triển học thuật nên có tác dụng chi phối lịch sử cả vùng. Tam giáo để lại ảnh hưởng to lớn trong phong tục tập quán và tâm lý xã hội trong nhân dân bốn nước. Đó là cơ sở mà nhân dân trong cả vùng dễ gần nhau và hiểu nhau” [5].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. F. Desaussure. *Giáo trình Ngôn ngữ học đại cương*. H., 1973.
2. Iu. V. Rozdextvenxki. *Những bài giảng Ngôn ngữ học đại cương*. H., 1997.
3. Sapir E. *Conceptual categories in primitive Language*. Science, 1931.
4. Whore B.L. *Language, thought and reality*. Cambridge, 1956.
5. Trần Đình Hựu. *Những vấn đề chung: Hàn Quốc và Việt Nam nhìn từ góc độ Nho giáo*. H., 1994.
6. Đào Thân. *Hệ thống từ ngữ chỉ màu sắc của tiếng Việt trong sự liên hệ với mấy điều phổ quát. “Ngôn ngữ”*, H., 1993.
7. Lý Toàn Thắng. *Giới thiệu giả thuyết “tính tương đối của ngôn ngữ” của Sapir Whore. “Ngôn ngữ”*, 4/1999.

VỀ QUAN HỆ VĂN HÓA VÀ NGÔN NGỮ TRONG LÝ LUẬN DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ

PGS. TS. NGUYỄN TRỌNG BẦU
Trung tâm KHXH và NV Quốc gia

Trong giai đoạn hiện nay khó có thể hình dung việc giảng dạy ngoại ngữ trong quá trình giao tiếp ngôn ngữ lại tách rời yếu tố văn hóa. Hơn 35 năm trước, trên các tạp chí về giáo dục và các tạp chí ngôn ngữ học đã xuất hiện tên gọi ngôn ngữ - đất nước học. Khái niệm này được

thảo luận sôi nổi, củng cố dần và hình thành nên một khuynh hướng lý luận trong giảng dạy ngoại ngữ, trong việc dạy tiếng dân tộc cho người nước ngoài như một ngoại ngữ. *Song ngôn ngữ - song văn hóa* là điều hiển nhiên và được làm sáng tỏ trong giảng dạy ngoại ngữ. Đến nay, khái niệm này không còn phải bàn cãi, nhưng những vấn đề lý luận và thực tiễn của *ngôn ngữ - đất nước học* cần tiến hành như thế nào để đạt kết quả cao, phải xác định phạm vi thế nào trong giảng dạy cái được gọi là "*thành tố văn hóa*" của ngôn ngữ học?

Nói đơn giản, khuynh hướng dạy và học theo *ngôn ngữ - đất nước học* là phương pháp giao tiếp ngôn ngữ mang màu sắc văn hóa - dân tộc trên *cơ sở tri thức văn hóa* (còn gọi là *tri thức văn hóa nền*) có chọn lựa của ngôn ngữ giao tiếp trong dạy và học. Tình hình như vậy không chỉ đối với các nước có ngôn ngữ khác nhau mà còn đối với riêng một nước đa dân tộc trong đó mỗi dân tộc có ngôn ngữ riêng, có nhu cầu giao tiếp đa ngôn ngữ. Để hội nhập vào hệ thống giáo dục khu vực và thế giới trong sự trao đổi qua lại, Việt Nam không thể không tính tới việc xem xét cơ sở tri thức văn hóa trong ngôn ngữ phải giao tiếp (trong dạy và học), điều mà người ta thường dùng thuật ngữ "*thành tố nền văn hóa*".

Người Pháp đã sớm lưu ý tới việc dạy tiếng Pháp như một ngoại ngữ và thường đi kèm với giáo trình ngữ là giáo trình "*nền văn minh Pháp*" - theo nghĩa rộng, người Pháp có ý định là dùng cho cả khối Pháp ngữ (phạm vi toàn thế giới). Liên Xô trước đây và nay là nước Nga đã xem "Ngôn ngữ - đất nước học" như ngành nghiên cứu ngữ nghĩa văn hóa dân tộc. Điều này thể hiện rõ trong hoạt động của Viện tiếng Nga mang tên A.X. Puskin.

Người Anh và Mỹ từ những năm 70 của thế kỷ XX, đã xây dựng phương thức giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ, "*ngôn ngữ và văn hóa*" được mô hình hóa không phải cho một cộng đồng ngôn ngữ - văn hóa nhất định, nó tựa như toàn bộ khái niệm về thế giới.

Khi giảng dạy và học ngoại ngữ (kể cả dịch thuật), từ quan điểm ngôn ngữ - đất nước học, người ta nhìn tới *song ngữ - song văn hóa*, bắt đầu từ *văn bản* - một trong những đối tượng của hoạt động giảng dạy. Nếu xem việc dạy và học một ngoại ngữ như là một sự giao tiếp của nền văn hóa khác nhau thông qua ngôn ngữ, thì *văn bản* sẽ được thể hiện bằng từ vựng biểu hiện đặc trưng văn hóa dân tộc của ngôn ngữ đó - đấy chính là các thành tố văn hóa quan trọng trong giao tiếp song ngôn ngữ - song văn hóa. Ngôn ngữ, cụ thể là từ vựng của văn bản, trang bị cho người dạy và người học ngoại ngữ cái cơ sở về tri thức văn hóa - đất nước của ngôn ngữ được học, điều đó buộc phải lựa chọn *văn bản* trong giảng dạy. Đây là điều rất hệ trọng. *Văn bản* trong giảng dạy ngoại ngữ phải được xem xét từ góc độ ngữ văn và phải được đánh giá như một sản phẩm văn hóa. Đôi khi, người ta chỉ lựa chọn các văn bản văn học và xem là mẫu mực. Thực ra không phải hoàn toàn như vậy. Các văn bản khác về kinh tế, xã hội, thậm chí quảng cáo cũng có thể mang tới các từ vựng đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ đó, qua đó người học tiếp nhận được rất nhiều các thành tố văn hóa của ngoại ngữ mình học.

Trước kia, khi nói tới *ngôn ngữ - đất nước học*, người ta nhấn mạnh tới đặc trưng văn hóa địa danh, văn hóa địa phương, tới sự khác biệt về địa lý khiến từ vựng ngôn ngữ A không hoặc khó chuyển tải sang ngôn ngữ B. Cái không thể chuyển tải hoặc khó chuyển tải chính là yếu tố văn hóa bản ngữ chứa trong từ vựng, ở ngôn ngữ đối dịch không có tương đương đó. Người ta dẫn ra câu tiếng Anh trích từ một *văn bản*, như sau: "*The east wind caught me in the face*". Theo sát nghĩa từ vựng của tiếng Anh thì có nhiều cách dịch, hoặc là "*Làn gió đông cuốn xé lên mặt tôi*", hoặc văn học hơn một chút: "*Làn gió đông phả vào mặt tôi*". Những cách dịch trên đều không được. Đó là sự thiếu sót về kiến thức văn hóa trong giao tiếp. Cái làn gió được người Anh gọi là "the east wind" ấy đúng là "*Làn gió đông*", nhưng là "gió đông" ở nước Anh, thứ gió làm buốt giá thấu xương gây khổ sở. Để hiểu đúng và dịch đúng từ "the east wind" còn phải kèm theo hiểu biết về văn hóa Anh, về ngôn ngữ - đất nước Anh mới có thể tìm được từ tương đương. Bởi vì "*Làn gió đông*" ở Việt Nam sẽ là gió mát, dễ chịu. Khi giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, ở một *văn bản* có câu "*Hà Nội tháng chạp này với trận Điện Biên Phủ trên không*", thì thành tố văn hóa trong danh từ riêng Điện Biên Phủ không phải là địa lý mà là địa danh vang lịch sử. Thành tố văn hóa trong *văn bản* dùng cho dạy và học ngoại ngữ còn là các hiện thực văn hóa dân tộc như hình tượng văn học, như nhân vật của tác phẩm, tên sản vật vùng, các miền văn hóa, các lễ hội, các tên riêng gắn với văn hóa và lịch sử, thiên nhiên và đời sống tinh thần ...

Để giúp nhận biết nhanh chóng các từ vựng văn hóa dân tộc trong văn bản của ngôn ngữ được học, đồng thời lấp chỗ trống về tri thức văn hóa cơ sở trong giao tiếp song ngữ - song văn hóa, có lẽ cần tiến hành biên soạn một cuốn sách kiểu từ điển giải thích có tính bách khoa về "Các biểu tượng văn hóa ngôn ngữ Việt Nam". Từ điển giới thiệu này tùy thuộc đối tượng mà có lượng từ nhiều hay ít. Nhóm từ vựng văn hóa này là các hiện thực văn hóa gồm con người (cả tên riêng) - đất nước - thiên nhiên (phong cảnh, địa danh văn hóa và địa danh lịch sử) - sinh vật vùng, miền - lễ hội dân tộc truyền thống, v.v... biểu hiện bằng hình tượng dân tộc. Thiết nghĩ, từ điển kiểu này mới có khả năng khắc phục nhược điểm của việc dạy và học ngoại ngữ khi chỉ có tương đương về từ ngữ mà không có tương đồng văn hóa.

VAI TRÒ CỦA YẾU TỐ VĂN HÓA TRONG QUÁ TRÌNH GIAO TIẾP BẰNG TIẾNG NƯỚC NGOÀI

PHẠM ĐĂNG BÌNH

Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Anh Mỹ,

Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội

(NCS Đại học KHXH & NV - ĐHQG Hà Nội)

1. Đã từ lâu, các nhà ngôn ngữ học, xã hội học, nhân chủng học, các chuyên gia dạy tiếng trên thế giới đã quan tâm nghiên cứu đến mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa. Nhưng ở Việt Nam, việc đi sâu nghiên cứu về vai trò của yếu tố văn hóa trong quá trình giao tiếp bằng tiếng nước ngoài chưa nhiều. Là những giáo viên dạy tiếng Anh lâu năm, chúng tôi nhận thấy, nếu người dạy không nhận thức được đầy đủ vai trò của yếu tố văn hóa thì hiệu quả của việc dạy tiếng như một công cụ giao tiếp cho người học sẽ kém đi rất nhiều. Người học chỉ nói đúng (phát âm, dùng từ, ngữ pháp ...) thôi thì chưa đủ. Họ còn phải biết cách nói sao cho phù hợp. Để nói cho phù hợp, người học không thể không biết đến những vấn đề có liên quan đến văn hóa. Trong quá trình giao tiếp liên ngôn ngữ, vai trò của yếu tố văn hóa vô cùng quan trọng. Điều này đã được giáo sư Trần Ngọc Thêm [7, 9] chỉ ra rất rõ: "Người ta càng ngày càng hiểu rõ rằng, khi thiếu chiều sâu văn hóa, ngoại ngữ chỉ là cái xác không hồn". Trong bài viết này, chúng tôi chỉ xin được trình bày một số suy nghĩ nhỏ về vai trò không thể thiếu được của yếu tố văn hóa trong quá trình giao tiếp bằng tiếng nước ngoài, cụ thể là tiếng Anh.

2. Văn hóa là gì?

Đây là một vấn đề rất rộng và đã có nhiều nhà nghiên cứu tìm cách định nghĩa. Trên thực tế, có hơn 200 định nghĩa về văn hóa. Có người đưa ra định nghĩa thiên về mặt vật chất của văn hóa như các công trình văn hóa, các di tích văn hóa, các di sản văn hóa. Có người lại xếp văn hóa vào các lĩnh vực tinh thần cao siêu mà ít người có thể với tới được như âm nhạc, văn học, nghệ thuật. Trong khuôn khổ bài này, chúng tôi chọn định nghĩa về văn hóa của W.H. Goodenough [2, 167]: "Văn hóa của một xã hội bao gồm bất cứ cái gì mà người ta phải biết hoặc tin để ứng xử một cách chấp nhận được đối với các thành viên của nó, và làm được như vậy ở bất kỳ cương vị nào chấp nhận được với bất kỳ ai trong số họ."

Khái niệm văn hóa mà Goodenough đưa ra chính là sự hiểu biết về văn hóa mà con người thụ đắc được trong xã hội. Nó là những hành vi cần thiết mà con người phải học để có thể tồn tại được trong cuộc sống hàng ngày và chúng được thể hiện trong quá trình giao tiếp ngôn ngữ.

3. Vai trò của yếu tố văn hóa trong quá trình giao tiếp

Theo truyền thống, giao tiếp được coi là một quá trình trao đổi thông tin giữa người nói hoặc viết và người nghe hoặc đọc. Người nói mã hóa thông tin và thực hiện hành vi nói để truyền thông tin cho người nghe. Người nghe tiếp nhận thông tin, mã hóa thông tin để hiểu. Quá trình thu phát thông tin này có thể được mô hình hóa như sau: